

NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN NGẮN SƠN NAM

Nguyễn Văn Đông

Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Bài viết này tìm hiểu về đặc điểm, tính cách hệ thống nhân vật trong truyện ngắn Sơn Nam. Những nhân vật này khác nhau về nghề nghiệp, tuổi tác, giới tính... nhưng phần lớn họ thuộc tầng lớp thấp trong xã hội và vì hoàn cảnh phải đến vùng đất Hậu Giang xa xôi, còn nhiều gian khó.

Trong tác phẩm của mình, Sơn Nam thường xây dựng những nhân vật có số phận hẩm hiu, có khi là bất hạnh và qua đó, giúp người đọc thấy được tính cách, lối sống của người dân miền Tây Nam Bộ.

Sáng tạo những con người trong xã hội khác nhau về hoàn cảnh, tính cách, Sơn Nam đã ghi lại được bức tranh đa dạng về nông thôn thời khẩn hoang trên quê hương của tác giả.

Từ khóa: đặc điểm, nhân vật, số phận

*

Sơn Nam sinh ra và lớn lên trong những năm ba mươi của thế kỷ trước, hầu như đã dành suốt đời mình để viết về miền đất cực Nam của Tổ quốc, nhất là miền Hậu Giang, quê hương ông. Ấn tượng về một vùng đất có những con người nghèo khổ nhưng thật thà và một thiên nhiên giàu có nhưng cũng đầy khắc nghiệt, trong hơn sáu mươi năm cầm bút, Sơn Nam đã để lại cho đời nhiều tác phẩm, chủ yếu là truyện ngắn và những công trình nghiên cứu, biên khảo rất có giá trị về văn hóa miền Nam. Nhà văn Sơn Nam ‘cày xới’ thâm lặng trên cánh đồng chữ nghĩa để ghi lại hình ảnh, tâm tình của nhiều thế hệ lưu dân thời khẩn hoang.

Qua từng truyện ngắn của mình, Sơn Nam giới thiệu những mẫu nhân vật khác

nhau và mỗi nhân vật đều có một tính cách, diện mạo và số phận khác nhau. Sơn Nam hiếm khi mô tả chi tiết hình dáng hay lột tả những diễn biến tâm lý phức tạp trong nội tâm của họ. Trong truyện ngắn của Sơn Nam có đủ loại nhân vật thuộc mọi thành phần trong xã hội miền Nam thời đó. Tuy vậy, xét tổng quát, các nhân vật có một mẫu số chung họ thường là những người sống ở thôn quê, nghèo khổ, luôn gánh chịu nhiều hoạn nạn và bất hạnh. Sơn Nam là nhà văn của người nghèo, trong tác phẩm của ông đều thấp thoáng bóng dáng của những người nông dân nghèo khổ, hay những người dân nghèo, mưu sinh nhọc nhằn nơi thị thành.

Trong việc xây dựng hình tượng nhân vật trong truyện ngắn, Sơn Nam thường

tập trung đặc tả các nhân vật có tính điển hình, khái quát cao những mẫu người tài năng vô danh chốn ruộng vườn, những kẻ yêu nước bất khuất. Họ nổi bật trong đám đông những người dân hiền lành, cùng khổ, yếu đuối và bất hạnh.

Trong thế giới nhân vật của truyện ngắn, nhà văn Sơn Nam đã sáng tạo ra nhiều mẫu người bình dị nhưng lẫm liệt: Ông Hai Cháy và ông Năm Tụ trong *Con heo khịt* chiến đấu một mất một còn với con heo rừng luôn phá hoại mùa màng để trừ hoạ cho dân làng ở ven rừng Ngã Bát. Ông đạo Tư chuyên trị rắn cắn cứu người trong *Ông thầy Rắn*, và ông thầy Hai Rắn trong *Cây huê xà*. Ông Năm Hên trong *Bắt sấu rừng U Minh hạ*, và *Con sấu cuối cùng* đơn độc chiến đấu với loài thú dữ, và hai cha con chú Tư Đức, một con người tầm thường chuyên cưỡi củi lậu trong *Sông Gành Hào*, cũng có tài chống lại loài sấu làm cho Tây phải xá tay khâm phục....

Đối với ông Năm Hên, nghề bắt sấu có thể làm giàu được nhưng ông không màng thứ phú quý đó. Hễ nghe đâu có sấu hoành hành, đe dọa mạng sống con người là ông tìm đến. Hôm con dâu ông cai tổng Hy bị sấu ăn thịt, có người đã ngã giá trên hai trăm đồng và sở hữu hai lượng vàng trong bụng sấu thì mới chịu ra tay. Nhưng ông Năm Hên thì khác. Vài bữa sau, ông hỏi han kĩ lưỡng rồi xin phép bắt sấu không phải vì số vòng vàng trong bụng nó như người ta nghĩ mà ông muốn giết sấu để giảm bớt tai hoạ cho dân làng, để giải oan cho những vong hồn bị “hùm tha sấu bắt ở đầu ghềnh cuối bãi”.

Ông Năm Hên là nhân vật tiêu biểu cho lớp người dám đương đầu với những thách thức của vùng đất Nam Bộ thuở xưa.

Nếu như truyện ngắn *Bắt sấu rừng U Minh hạ* đượm vẻ huyền bí, ma quái ghê rợn, thì truyện ngắn *Sông Gành Hào* dựng nên một cảnh hùng tráng về hai cha con chú Tư Đức phải chiến đấu với con sấu dữ.

Truyện kể chuyện ông Tây kiểm lâm Rốp được tiếng nhân từ vì không hay đi bắt các ghe xuồng chở củi lậu và đọc sách về đạo Phật. Một đêm xuồng của chú Tư Đức chở củi đi qua bị ông bắt, nhưng không có tiền nộp nên ông Rốp cho cha con chú ở đậu tại nhà dưới của đồn kiểm lâm, cơm ăn không tính tiền, bù lại hai cha con ông phải làm cỏ, quét nhà. Nhờ gan dạ, liều lĩnh, có sáng kiến độc đáo, hai cha con chú tư Đức đã quần thảo với con sấu dữ tợn trên sông và cuối cùng hạ được nó. Việc làm của họ đã khiến ông quan Tây phải thay đổi suy nghĩ và thái độ của mình trước những người nông dân chất phác và có vẻ khờ khạo này: “*Giỏi quá! Chú Tư giỏi quá! Thằng nhỏ gan quá! Nó bị bịnh rét mà còn mạnh quá! Tôi mời hai cha con vô đồn*”. [16: 258].

Không như cạp ở miền Đông, cạp miền Tây Nam Bộ sống giữa sinh lầy nước đọng, trong bãi bùn nước lợ hay ở gò đất trồng gừa, kê. Nổi tiếng là cạp U Minh, cạp Gò Quao... Cạp là nỗi ám ảnh người dân đến độ cứ nghe tới tên cạp là hoảng hốt. Tàu mo cau rụng xuống lại tưởng con cạp lưng vàng, bụng rằn. Cạp chụp bà già ngồi câu dưới gốc cây xộp lại

tưởng bị heo rừng nhát: *“Lần đó, cọp tới sân tôi chạy vòng quanh tìm cách vô nhà. Đứa con tôi ở một mình. Nghe tiếng động đây nó chạy ra sát hàng rào. Cọp ta không phương thế nào vào trong được nên day lại, thò đuôi vô kê hàng rào. Trưa về nhà nghe con tôi nói lại: “Ba ơi! Hồi ba đi ruộng, có con mèo vện lại đây, thò đuôi vô. Con nắm đuôi mà nó mạnh lắm, kéo ra được chạy vuột”. Chừng đó, lối xóm ai cũng hoảng sợ xây hàng rào chung quanh nhà. Đêm cũng như ngày chỉ nghe động tĩnh là nghĩ tới cọp”*. [16: 193].

Những con người lao vào chỗ nguy hiểm để đem lại an toàn cho dân lành được ngưỡng mộ như những vị anh hùng và thành tích của họ được truyền tụng mãi như những huyền thoại dân gian. Ông Cai Thoại chết rồi, còn lại chiếc áo rách, mỗi khi cọp về xóm quấy nhiễu, người ta tin tưởng rằng chỉ cần mùi mồ hôi của ông cũng đủ sức làm cọp kinh hãi: *“Họ mặc áo của ông Cai, quất to cố ý cho cọp nghe. “Đi ra xa! Thử hửi mồ hôi thì biết ta là ai!” Thế là cọp rút lui. Lần hồi, chiếc tàn y nọ rách nát. Người đi rừng bèn xưng danh hiệu, vẫn tất:*

- Tao là Cai Thoại đây!

Mười lần như một, cọp đều chạy trốn” [19: 79].

Bắt sấu, bắt cọp nơi sông sâu rừng thẳm là nghề nguy hiểm, có khi phải đổi cả sinh mạng nhưng vì sự sống của con người trên đất mới, cách đương đầu đối phó với hiểm nguy chính là chọn lựa bất buộc. Cũng từ khoảng cách mong manh giữa sự sống và cái chết trước dã thú, tài nghệ của những người thợ đã trở thành

huyền thoại nay đã lùi vào quá khứ nhưng tỏa sáng mãi trong tâm thức của người Việt trên mảnh đất phương Nam.

Đối với người Việt vùng Nam Bộ nói riêng, người Việt Nam nói chung thì tiết nghĩa, yêu nước, thương dân là hành vi cao nhất của đạo đức. Song trên đất Nam Bộ này, nghĩa với nước với dân, niềm tự hào dân tộc đã có một nội dung khác so với chữ “Nghĩa” nguyên mẫu, tạo nên cái gọi là “*Nghĩa khí Nam Bộ*”, là “*Hào khí Đồng Nai*”.

Trước khi Pháp xâm chiếm nước ta thì miền Nam là vùng đất giàu có và thanh bình. Dân chúng lo làm ăn, vui với gia đình, làng xóm, nỗ lực khai khẩn thêm đất mới. Sinh sống giữa một vùng trời đất bao la, cá tôm, lúa gạo đầy đồng, ước mơ lớn nhất của đời họ là có một cuộc sống bình yên bên gia đình, bà con làng xóm.

Thế nhưng khi Tổ quốc lâm nguy, thì cũng chính những con người ấy sẵn sàng từ giã mảnh đất thân yêu, xung phong chiến đấu, thành những chiến sĩ gan dạ, kiên cường. Số phận đã đẩy họ vào cơn lốc của lịch sử khốc liệt. Hết phải chạy nạn trốn lánh những cuộc ruồng bỏ của giặc Tây, lại đến bom pháo của Mỹ rơi trên đầu. Hết chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt, thú dữ, nay họ phải cầm tầm vông vật nhọn, súng ống thô sơ để chiến đấu với kẻ thù mạnh hơn họ nhiều lần. Họ tiếp tục ngã xuống trong máu lửa như cha ông họ đã nằm xuống vì sơn lam chướng khí chốn rừng sâu nước độc.

Sơn Nam nhắc đến họ như những tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước mà người dân Nam Bộ đã noi theo. Nhiều

người xem đó là thước đo của lòng yêu nước, chẳng hạn ông Từ Thông trong *Hòn Cổ Tron*, ông sáu Bộ trong *Đảng Cánh Buồm Đen*... Họ là sự tiếp nối con đường mà cha ông đã đi. Sơn Nam đã nhắc về họ như muốn tôn thêm vẻ đẹp bất biến của người dân Nam Bộ, ca ngợi truyền thống bất khuất của người dân nơi đây.

Ông Từ Thông trong *Hòn Cổ Tron* không muốn chứng kiến cảnh giặc Pháp xâm chiếm chương tai gai mắt ở quê nhà nên ông đã chọn cuộc sống cô độc ngoài hòn Cổ Tron, quanh năm làm bạn với sóng biển mây trời. Tuy nhiên, tâm hồn ông lúc nào cũng hướng về quê cha đất tổ. Khi nghe người thông ngôn nói về những tin tức trong đất liền thì một nỗi buồn len vào tâm trí ông, một thứ lương tri rực sáng nhắc nhở ông món nợ đối với đồng bào, giang sơn: *"Một mối buồn len vào tâm não ông Từ Thông. Ông nghe gió thổi bốn bề, lạnh lùng. Lương tri như rực sáng nhắc nhở ông món nợ gì đối với đồng bào, giang sơn. Không giúp nước được thì ít ra ông cũng cần biết những gì xảy ra đau buồn trong nước. Cây có cội. Nước có nguồn. Chim có tổ. Cá có hang. Đôi mắt già của ông Từ Thông ngẩn ngơ nhìn muôn lớp sóng cồn. Chân trời u ám, mấy đám mây tan bay thấp là đà... Ông hổ thẹn, tủi bấy phận mình không bằng con đĩ quyền đêm hè kêu khắc khoải"* [16: 17].

Không làm trái đạo của một người dân, cuộc sống cô đơn của ông Từ Thông giữa trời biển bao la lúc bấy giờ là một việc làm rất đáng trân trọng. Người đời sau ví ông như *"một cái vỏ ốc xà cừ lấp*

lánh". Có thể nói, hình ảnh ông Từ Thông là một trong những điểm sáng của lòng yêu nước trong sáng tác của Sơn Nam.

Không chỉ ông Từ Thông, mà bất cứ người dân Nam Bộ nào có lương tri cũng muốn giương cao nghĩa khí yêu nước bằng cách thức của mình, trong hoàn cảnh cụ thể của mỗi người. Rồi những người nông dân hồn nhiên sống ở miệt Xẻo Bần xa xôi dù không được học hành nhưng họ đã sẵn sàng hy sinh cả tính mạng cho đất nước trong những ngày khởi nghĩa tháng Tám: *"Năm 1945, cả xóm ngọn Xẻo Bần không nấu xà bông nữa. Họ phải lo chuyện khác cao cả hơn. Nhưng ý nghĩa của cuộc chiến đấu mới nào có gì lạ hơn là làm cho dân giàu nước mạnh, phát triển nội hóa. Có lẽ vì lý do đó mà họ hăng hái hơn ai hết. Vì họ đã thấy rõ một lần rồi"* [16: 63].

Đó còn là hình ảnh ông sáu Bộ trong *Đảng Cánh Buồm Đen*. Sau những năm tháng đi tầm sư học đạo trên núi Cô Tô, ông đã hiểu ra lời của một vị đạo sĩ già: Không thể tìm một thứ đạo pháp nào khác để tu thân lánh đời, lánh nạn giữa thời buổi mạt pháp này được. Trong khi giáo pháp đang suy đồi, đạo đức của tiền nhân không được tôn trọng thì chưa có ai thành tiên được. Ông sáu Bộ được một đạo sĩ truyền cho cây roi và đường quyền Lưu Thủy. Nhờ võ nghệ cao cường, ông trở thành chúa đảng Cánh Buồm Đen, hùng cứ từ Cà Mau đến hải phận Hà Tiên. Tuy nhiên Đảng của ông: *"Tuyệt không được xâm phạm tài sản của người chài lưới ở ven biển. Hai kẻ thù chánh*

cần đánh đổ không nương tay là đoàn tàu “đoan” của Tây và ghe buôn lậu Hải Nam” [16: 72].

Khi về già, nghe tin giặc Tây trở lại xâm chiếm nước ta, ông Sáu Bộ bỗng nhiên xuất hiện sau nhiều năm mai danh ẩn tích. Ông mong muốn truyền dạy võ nghệ cho đám thanh niên đang nô nức đi đánh giặc, góp phần vào đại cuộc của đất nước. Nhưng thời thế đã đổi thay, cây roi và đường quyền của ông không còn hữu dụng. Ông lão ngậm ngùi nói với đám thanh niên chuẩn bị chống giặc: *“Ừ. Làm gì thì làm, miễn dùng nó được thì thôi. Thiếu củi nấu cơm, chặt khúc nó mà chụm, lão đây cũng không tiếc”*. [16: 76].

Có thể nói tinh thần yêu nước đã dâng lên cao độ trong lòng người dân Nam Bộ và khi cần, họ đã sẵn sàng chiến đấu đến cùng. Đoàn trai kiêu hùng ra đi bốn phương trời, ít ai được trở về xóm cũ, riêng thân phận ông lão thì: *“Ông lão nọ chết vì không chịu tản cư, lưu lại một tình cảm lạ lùng, khó dứt khoát đối với những ai chưa hiểu rõ hoàn cảnh đặc biệt của phần đất Cà Mau tận cùng này”* [16: 77].

Đó còn là tâm trạng của lục cụ Tăng Liên, hương quản Hem trong *Chiếc ghe ngo*. Họ là những người thể hiện tinh thần trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ, gìn giữ và trân trọng di sản văn hoá dân tộc, phong tục tập quán của cha ông. Lục cụ đã tỏ ra khó xử khi phải đem chiếc ghe ngo của nhà chùa tham dự cuộc đua ăn mừng ngày lễ quốc khánh của Pháp, chẳng liên quan gì đến dân tộc mình. Lục cụ phân vân: *“Nếu không tuân lệnh quan trên thì có tội là chống lại với*

nhà nước Lang Sa, còn chưa đến mùa nước nổi, chưa đến lệ thường mà đua ghe là trái với tục lệ, mất cả ý nghĩa thiêng liêng” [16: 99].

Thái độ im lặng không nói nửa lời của Lục cụ khi biết phần thưởng ấy là *“một lá cờ tam sắc to tướng”*. Cụ nuốt nước miếng như cố nén chút gì tủi nhục xót xa. Cuối cùng, trước xác của một chiếc ghe ngo mới được đào lên từ lớp phù sa gần một thước, cụ đã quyết định lấp đất lại cho *“khỏi bận hồn người xưa”*.

Cao quý biết bao nhiêu tấm lòng của những người nặng tình với quê hương đất nước. Đó cũng là cách để Sơn Nam nhắc nhở với con cháu đời sau. Không phân biệt tuổi tác, thành phần tôn giáo... mỗi người một tinh thần, một ý chí, tất cả vì khát vọng đánh đuổi kẻ thù giành độc lập cho dân tộc.

Ngoài việc viết nhiều về những hiểm hoạ mà con người phải chịu đựng từ thiên nhiên khắc nghiệt, nhà văn Sơn Nam không thể không quan tâm đến những tai ương gây ra do bởi chính con người có tên gọi là giặc Tây, là Việt gian, là bọn cường hào ác bá, địa chủ... là những nhân vật phản diện không thể thiếu trong sáng tác của ông.

Nhận vật phản diện điển hình đã xuất hiện ngay từ tác phẩm đầu tay của nhà văn Sơn Nam là Tây Đầu Đỏ, và ông đã sáng tạo một chi tiết đắt giá để mô tả tên Tây gian ác này. Hắn đã nhẫn tâm bắt người nông dân nghèo làm thịt con bò đang có chữa cho hắn thưởng thức món bê non trong bụng mẹ. Con bò là tài sản lớn nhất của họ. Với người nông dân, nó

còn là bao tình cảm thấm thiết gắn bó mà họ dành cho con vật thân yêu gần gũi đó. Lòng thương xót và căm thù dâng cao ngất trong lòng anh nông dân nhưng anh phải đè nén mà lẳng lặng làm theo mệnh lệnh của tên Tây gian ác đó. Chính sự đè nén căm lạng đã làm cho nỗi đau khổ lên đến điểm tột cùng trong tâm hồn người dân nọ.

Nêu lên tội ác của thực dân khốc liệt nhất là truyện ngắn *Miếu bà Chúa Xứ*. Câu chuyện về hàng loạt người dân lành trong ngôi làng nhỏ bị Tây mặc tình tàn sát dã man, những cảnh tượng không hiếm trong thời Tây chiếm nước ta: “Người chết quá nhiều. Người còn sống quá ít. Làm sao mà chôn? Ban đầu còn bó thây bằng chiếu, mỗi hầm chôn một người. Sau cùng, cứ chôn chung một hầm, đủ già trẻ bé lớn. Khiêng nhiều chuyến quá sanh ra mệt mỏi! Họ không đặt xác chết lên tám ván để khiêng. Họ khiêng bằng vông, đặt hai xác chết trên một vông, người trở đầu phía trước, người trở đầu phía sau.” [16: 124].

Khi rời những trang viết của ông, ta như còn nhớ mãi một xóm nghèo hiu quạnh, dân làng đang chạy xao xác như bầy ong vỡ tổ khi bị Tây ruồng bỏ, có tiếng súng nổ lẻ loi trong đêm vắng, có nỗi khốn cùng của những con người yếu đuối nhỏ nhoi. Họ chạy trốn chết, mà vẫn đùm túm theo những đứa bé đang thèm sữa mẹ, và họ vẫn quay nhìn về chòm xóm cũ, nơi có mái nhà tranh tồi tả đang cháy đỏ rực trong bóng đêm: “*Phía rạch Long Phú, lửa cháy đen mịt, hết nhà này nối qua nhà kia. Cả xóm bị đốt rồi. Súng*

vẫn nổ và ngọn lửa chạy trên con đường sắt vô tận.” [19: 191].

Bi đát nhất chính là vào những thời khắc lâm nguy của lịch sử, bên cạnh khối quần chúng kiên cường, bất khuất, lúc nào dường như cũng có những người cùng dòng giống, vì tư lợi mà phản bội đồng bào, gây nên bao thảm họa cho dân tộc. Trong sáng tác của Sơn Nam, điển hình ghê gớm nhất cho số này là tên Bầy Tiểu, một tên cướp cạn, theo Tây, được quyền tiền trăm hậu tấu, trở thành tên cướp man rợ, giết luôn cả chính thầy của hắn: “- *Trời đất ơi! Nó giết anh Lê Hữu Vinh rồi. Tôi vẫn chưa tin. Nhưng rõ ràng cái thây của Lê Hữu Vinh nằm úp mặt dưới xuống bên cạnh cậu Bầy Tiểu*” [18: 34].

Sơn Nam đã thành công khi tạo sự oán ghét trong lòng người đọc khi đứng trước loại người bội đờ bọn Lang Sa. Người ta không thể nhin cười trước vẻ kệt cớm của “*Bà đầm Phô-xi-đông*” và cô Mặc-gơ-rít Tây lai (*Mối tình... đầm lai*). Khinh bỉ nhân vật cai tổng Báu xum xoe quan phó tham biện Lu-ca trong lễ gắn huy chương Canh Nông; đáng thương cho giáo Chích sợ uy quan hai Phệt-năng (*Hai ông già*), mọi người càng căm giận cặp rằng Hực (*Yêu cho được*), cặp rằng Be (*Nhứt phá sơn lâm*) xem trâu bò và đất đai nước Việt thuộc chủ quyền của Tây. Đối diện với nhân vật phản diện bội Tây đến dơ dáy và nực cười, độc giả không thể không thú vị liên tưởng ngay đến ngôi bút của Sơn Nam.

Đám nhân vật du thử du thực, lông bông vô ích trong truyện ngắn của Sơn Nam đáng ghét mà cũng đáng tội. Xã hội

tiêu cực đẩy họ vào chỗ lười nhác, dùng thủ đoạn ma mãnh gạt người rồi cũng tự hại cuộc đời trong ngõ cụt. Hình ảnh đó là của thằng Khặt (*Ăn thịt chó*) hãnh diện làm chồng bé cô Ba, của Hai Khoánh (*Cái va ly bí mật*) tham tiền tham của đến bán bạn, của thầy Chà (*Đại chiến với thầy Chà*) khoác lác bắt thanh niên trai tráng cung phụng mới dạy học võ, của ông thầy Quít với “đạo phát cổ” lừng danh (*Đóng gông ông thầy Quít*), của Hai Kim (*Thằng điểm vô danh*) loè người bằng tấm bảng “Tiến Lợi – Phono – Photo – Sửa đồng hồ”.

Viết về đủ mọi hạng người trong xã hội, Sơn Nam với tâm hồn đầy yêu thương, thường bận lòng về những số kiếp không may. Cái bi thảm của phận người được nhà văn Sơn Nam nói đến ở nhiều cảnh ngộ khác nhau.

Đó là thằng bé chăn trâu sống sót khi hàng loạt dân làng hiền lành bị Tây tàn sát không thương tiếc trong *Miếu bà Chúa Xứ* : “Nhờ ngủ ngoài chuồng trâu, đứa bé chạy thoát được. Nó qua xóm kế bên cầu cứu trong khi súng nổ liên hồi, lửa bốc cháy. Đâu canh năm, tiếng súng vẫn còn thưa thớt. Mặt trời gần mọc, chùng đó dân làng kế bên mới dám đi qua cứu giúp” [16: 124].

Đó là đứa bé trơ trọi - thằng Kim trong truyện ngắn *Một cuộc bể dâu*, một mình bên xác người cha già đã chết giữa biển nước bao la. Bên cạnh một người nằm chết, giữa một thiên nhiên đầy đe dọa tước đi mạng sống của cậu. Tình cảnh của cậu bé phản ánh cái tang thương khốn cùng của số mệnh, của những thân

phận con người trên vùng đất ấy. Sông nước, cây cỏ nơi ấy đã sinh sôi và nuôi nấng con người. Ngày kia, đến lúc năm cùng, tháng tận, trả lại kiếp người, thì sông nước ấy lại ôm ấp, cứu mang thân xác con người trong lòng của nó, một cách điềm nhiên, tĩnh lặng: “*Nói chôn cho đúng tục lệ chôn đất ở đâu mà chôn? Tứ bề là nước. Có hai cách : một là xóc cây treo ở giữa đồng rồi treo lên mặt nước, chờ khi nước giụt mới đem chôn lại dưới đất. Như vậy mất công lắm, điều qua hoành hành. Chi bằng bó xác lại rồi dần cây dần đá mà neo dưới đáy ruộng*” [16: 152].

Có lẽ đây là một trong những truyện ngắn đặc sắc nhất của nhà văn Sơn Nam. Truyện toát lên những suy nghiệm về thân phận con người. Hình ảnh chiếc xuồng nhỏ và đứa bé hiện lên trên bức tranh như một chấm nhỏ điểm xuyết cho cái bao la của sông nước trong một gam màu xám xịt, lạnh ngắt.

Đất miền Tây thuở ấy mệnh mông mà hoang vắng, là nơi dung thân của những phận người phiêu giạt, xiêu tán. Đời họ là đời của những dề lục bình bèo trôi theo con nước. Trong đoàn quân tứ xứ đổ xô đến đây trong cuộc Nam tiến trường chinh vĩ đại của dân tộc, họ là những người dân không tên tuổi quả cảm nhận lãnh sứ mệnh tiên phong. Vũ khí của họ chỉ là những chiếc liềm, chiếc phẳng, cái cuốc thô sơ... Họ sống hẩm hiu, khi chết đi thì vùi năm xương tàn trong nước, trong bùn, thân xác họ thành lớp phù sa màu mỡ cho vùng đất này. Hỡi còn sống cũng như khi nằm xuống, họ đã

góp những giọt mồ hôi, nước mắt và máu xương của mình để khai sinh ra mảnh đất trù phú xinh đẹp này: *“Đất ruộng này rải rác, lữ khữ... xương người ta với xương trâu, thú trâu len đi xa bị bệnh mà chết dọc đường. Tới mùa cày ruộng, năm nào cũng vậy, tôi gặp xương đó hoài”* [16: 154].

Nhân vật phụ nữ trong truyện ngắn Sơn Nam thường có số phận hẩm hiu, bất hạnh. Sơn Nam ít khi miêu tả nhan sắc của họ, nếu có tả, thì cũng chỉ những nét qua loa. Ông thường gọi những nhân vật trẻ tuổi bằng *“con”*, đại từ xưng hô quen thuộc ở miền Nam, ngầm chỉ sự thân mật, mà cũng có vẻ coi thường : Con Bảy đưa đồ (*Một tấm lòng*), con Lài (*Cây huê xà*) ...

Con Bảy đưa đồ, tuy số phận không quá bi thảm, nhưng có lẽ cũng là nhân vật tiêu biểu cho cuộc sống hàng triệu người dân quê sống vô danh thầm lặng ở nông thôn trong sáng tác của Sơn Nam. Cô là người như thế nào, không ai biết rõ. Chỉ biết cô làm nghề lái đò, sống một mình, có nhan sắc dễ coi, giọng hò làm say đắm bao chàng trai, nhưng nàng vẫn vô tình, đứng đưng. Thế rồi một đêm nọ, *“Có người khách ở viễn phương”* lạc tay chèo đưa thuyền tình đến dòng sông ấy. Chỉ đôi câu hò tương ngộ, rồi chàng lại lặng lẽ chèo con xuồng nhỏ ra đi biệt theo tiếng gọi của non sông để lại câu hò vang mãi trong đêm vắng mênh mông, để lại một hình bóng khắc sâu mãi trong lòng cô thôn nữ đáng thương ấy. Mấy mươi năm sau, cô vẫn ở nơi bến cũ như chờ đợi bóng người xưa, nặng mỗi

cảm hoài, thầm lặng lắng nghe câu chuyện của dòng sông rì rào mãi về một số kiếp hồng nhan: *“Ngồi đây mà nhớ đến cái thời xuân xanh năm nào ! Nó như chiếc lá già rụng, mục nát trở về lòng đất để làm phân cho những cây tơ khác đâm lộc nảy hoa. Nó như một chiếc xuồng cũ kéo lên trên đất khô, phơi dưới ánh nắng day gắt. Còn đâu hơi gió cũ? Còn đâu ánh trăng xưa ? Còn đâu hơi thở, còn đâu dáng người ? Còn đâu bến sông “nhánh bần gie con đóm đậu” ?”* [16: 93].

Con Lài vừa có mối tình chớm nở với chàng trai lối xóm, phải đi vào cõi thiên thu vì những tật hiềm, nhỏ nhen của chính cha mình: *“Cây huê xà là gì ? Có thiệt hay không ? Lắm đêm, nó nằm chiêm bao thấy một thứ dây lổm đổm trắng mọc cheo leo ở chót núi Ông Cấm, tiếp với trời xanh. Trên cảnh xa vời không nhớ bọn đó, dây huê xà nhơn nhơn uốn éo với gió núi. Giữa lòng từng chiếc lá, hiển hiện kia trăm ngàn gương mặt của con Lài, tươi tắn, cười riêng với nó, trẻ mãi không già”* [16: 51].

Lại có nỗi sầu khổ từ bệnh tật, như trong truyện *Hương Rừng*, Hoàng Mai, cô gái con nhà giàu có lại vướng phải chứng bệnh cùi, chứng bệnh nan y lúc bấy giờ. Tình yêu vừa chớm nở trong lòng cô với người thanh niên -Tư Lập - đã vội tan khi anh sợ hãi bỏ đi vì biết nàng bị chứng bệnh nan y. Từ đó, Hoàng Mai phải âm thầm lặng lẽ sống hết những ngày còn lại trong sự tàn tạ và nỗi thống khổ vô biên nơi vùng đất xa xôi heo hút ấy: *“Sau lưng nó, trên thêm nhà, trong bóng mát, hình dáng của Hoàng Mai với đôi mắt và mớ*

tóc trùm kín trong chiếc khăn. Chiếc tay áo của nàng lòng thông che khuất mấy ngón tay, từ từ nâng lên như tiễn đưa một hình bóng” [16: 219].

Hình ảnh người con gái chiều chiều trong bóng hoàng hôn chạng vạng, ngồi một mình ngoài sân, bất động, bên cội mai già cỗi cứ trĩu nặng mãi trong lòng người đọc một nỗi niềm da diết.

Sơn Nam cũng chỉ cho dăm đứa bé được xuất hiện trong tác phẩm của ông, và đứa nào cũng sống cuộc đời cực khổ: thằng Nhi, trong *Mùa len trâu*, rời xa cha mẹ lặn lội theo người ta lên vùng núi len trâu, hết mùa nhiễm tật hút thuốc, uống rượu như người lớn và liên tục đệm tiếng “Đ.m” trong mỗi câu nói. Thằng Kim, trong *Một cuộc bể dâu*, bơ vơ giữa biển nước mênh mông với xác người cha vừa chết; một thằng Kim khác, theo ông Tư Lập đi ăn ong bị bỏ lại bơ vơ ở một miền khỉ ho cò gáy miệt U Minh. Thằng Liệu, trong *Đóng gông ông thầy Quýt*, theo hầu hạ thầy mong học được đạo phát cỏ giúp đời, nào ngờ ông thầy Quýt ôm một mớ tiền công ứng trước âm thầm trốn đi, nó bị làng xã bắt để điều tra. Thằng Tám, trong *Con cháu thần nông*, thì đi ở đợ chăn trâu, nhờ bạn bày mưu thoát tội làm mất trâu, nhưng kiếp tôi đòi phải lạy lục van xin người khác thì không thoát được. Trẻ con trong sáng tác của Sơn Nam, dường như không có đứa nào có được hoàn cảnh tốt đẹp; đứa trẻ tưởng như may mắn nhất là bé Kiều, con ông tổng Báu được ở nhà cao cửa rộng, có kẻ hầu hạ và được nuông chiều, nhưng lại là đứa trẻ có kết cục bi thảm nhất: trốn trong hồ nước và đã chết trong đó.

Nhân vật trong truyện ngắn của nhà văn Sơn Nam điển hình cho đủ mọi tầng lớp trong xã hội ở miền Tây Nam Bộ vào giai đoạn đầu của thế kỷ trước. Họ có những tên gọi nghe dân dã: thằng Tư Lập, ông Hai Muôn, thằng Kim, ông Năm Hên, con Út Một, con Bảy, thằng Khi...; những cái tên đủ nói lên địa vị, mức sống và phần nào tính cách của họ. Họ làm đủ loại nghề nghiệp ở thôn quê như làm ruộng, đốn củi, săn bắt thú, ăn ong, đưng cà ròn, trị rắn độc, phát cỏ, chèo đò... Có một vài người được gọi trang trọng hơn, như: ông Từ Thông, lục cụ Tăng Liên, thầy Quýt, thầy Hai Rắn... họ thuộc một nhóm nhỏ, trong đời sống tinh thần của tầng lớp dân cư này họ luôn hiện diện, với nhiều giai thoại, được người dân sùng bái, ngưỡng mộ.

Giới phú hào, địa chủ, hương chức làng xã cũng có mặt như xã Nê, hương quản Hem, hương quản Cò, cai tổng Báu, cai tổng Hy... Trong số này cũng có người ỷ giàu, cậy thế ức hiếp dân nghèo, nhưng nhìn chung thì truyện ngắn Sơn Nam không phản ánh tinh thần đấu tranh giai cấp dữ dội, khốc liệt như một số truyện viết về nông thôn của một số tác giả khác - chuyên xoáy mạnh vào mối xung đột giữa địa chủ và tá điền - bởi các nhân vật phản diện của nhà văn Sơn Nam thường không quá tàn độc, khắc nghiệt đến độ mất nhân tính. Họ có làm điều sai trái, nhưng bên cạnh đó, nhiều người cũng cư xử không quá khắc nghiệt với kẻ thấp hèn, có khi còn phân biệt được lẽ phải, đứng về phía dân nghèo mà chống lại kẻ cậy thế, lộng quyền.

Ngoài ra, còn có các tộc người khác đến đây chung sống với người Việt trên mảnh đất này: người Hoa, người Khmer, những ông Tây thực dân. Thực dân thì luôn tượng trưng cho sự độc ác, nhưng cũng có những ông Tây sống chung lâu ngày với người Việt, trở nên gần gũi giống như bà con, bạn bè. Nhóm người Hoa của Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch chủ trương phản Thanh phục Minh cũng đến vùng đất Đồng Nai, Gia Định cùng người Việt khai khẩn, mở mang vùng đất mới ở phương Nam. Họ cũng đã đổ nhiều máu, mồ hôi và nước mắt, góp phần quan trọng để khai thác mảnh đất cuối trời này cho người Việt. Từ xưa, giữa hai bên đã sống chung hoà thuận, giúp đỡ lẫn nhau; nhưng dĩ nhiên, cũng có những anh “chê” tham lợi, tính khôn, cư xử không tốt với người mình và đôi khi xảy ra bất hoà nhỏ giữa đôi bên.

Nhân vật được miêu tả trong truyện có thể là con người với tư cách là chủ thể sáng tạo, cũng có thể là sinh vật được nhân hóa về tính cách và năng lực để chuyển tải tư tưởng, tình cảm của nhà văn. Nhân vật nghệ thuật quan trọng không kém là thú vật, một thành phần không thể thiếu trong bức tranh về miền Tây Nam Bộ hoang sơ. Các nhân vật muông thú là một trong những đối tượng chính trong sáng tác của Sơn Nam. Cứ đọc hàng loạt tựa đề của ông cũng đủ thấy điều đó: *Hai con cá, Cái tổ ong, Cao khỉ U minh, Con heo Khệt, Con rắn, Con sấu cuối cùng, Bắt sấu rừng U Minh Hạ, Con trích ré, Tháng chạp chim về, Cá nước chim trời...* Ngoài ra, trong rất nhiều

tác phẩm khác, loài vật vẫn thường xuất hiện, tham gia vào bức tranh thiên nhiên trong truyện ngắn của Sơn Nam với nhiều nét thú vị.

Những loài vật đặc trưng ở vùng thổ nhưỡng này dường như đều xuất hiện trong tác phẩm của ông, với đầy đủ các đặc điểm tập tính của chúng. Muỗi vắt ngợp trời, ong bay hút nhụy hoa trà làm thành mật, ba khía đầy sông rạch cứ chèo xuồng đi mà vớt; rùa, cá đầy đồng, lớp ăn lớp bỏ, lớp làm khô mắm; chim trời quần tụ, con người tha hồ chém giết để chỉ lấy bộ lông bộ cánh mà thôi.

Tháng chạp chim về là câu chuyện cảm động về con chim già sói nặng nghĩa tình với vùng đất mà nó sinh sống. Những khi nóng nực, cầm cái quạt lông chim trên tay phe phẩy, khoan khoái, đâu ai biết rằng để có những chiếc quạt ấy, hàng vạn con chim đã bị giết chết. Trước sự tàn sát của con người, dần dà chim bay đi tìm nơi khác để sinh sống, tuy nhiên vẫn có vài con chim trở về chốn cũ, như còn lưu luyến chút tình xưa. Kết truyện, một người làm nghề giết chim năm xưa, nay đã là ông lão, nhìn con chim già sói đậu trên ngọn cây gòn, bụi ngùi: “*Ông Tư nhìn nó. Có lẽ ông nghĩ đến phận mình mà nảy sinh bao mối cảm hoài. Trong con tim già, qua thời gian, giờ đây chắc hẳn đã lắng xuống hết bao hung bạo của thời xuân xanh của ông và của đất nước hoang vu. Giữa ông và con chim nọ, không còn oán thù.*” [16: 284].

Con người tàn sát loài vật không thương xót, thì cũng có những trường hợp loài vật hại lại con người “*vật dưỡng*

nhon, nhon dưỡng vật”, và ngược lại, đó là lẽ công bằng của tự nhiên? Trong truyện *Con trích ré*, con chim được cưng yêu của con gái ông Tổng Báu, một người giàu có, hoá ra lại gieo bao tai họa khôn lường cho họ, và nhất là đã gây ra cái chết vô lí và thảm thương cho cô con gái nhỏ bé của ông chủ nhà.

Hấp dẫn nhất là những trang văn Sơn Nam viết về cuộc chiến đấu của con người với các loài mãnh thú như heo rừng, cọp và đặc biệt, là với cá sấu. Ông có nhiều truyện ngắn viết về hai loài thú này như *Con heo Khịt*, *Con sấu cuối cùng*, *Hết thời oanh liệt*, *Đánh cọp Gò Quao...* nhưng thành công nhất, có lẽ là những truyện chiến đấu với cá sấu: *Bắt sấu rừng U Minh Hạ*, *Sông Gành Hào...*

Điểm nổi bật khác làm xúng danh nhà Nam Bộ học ở tác phẩm của Sơn Nam là ông đã để cho các nhân vật của mình suy nghĩ, hành động, biểu thị tính cách hoàn toàn phù hợp với đặc trưng của một người Nam Bộ: mộc mạc, bộc trực, chân thành, hào hiệp, trọng nhân nghĩa, điệu nghệ... và với nhiều người Nam Bộ, khi đọc tác phẩm của Sơn Nam, họ thấy tính cách, suy nghĩ của con người Nam Bộ hiện rõ trong các nhân vật mà ông đã xây dựng như: *Lục cụ*, *ông Bang cà ròn*, *ông Từ Thông*, *giáo Trích*, *thầy Chà*, *thầy Hai Rắn*, *cô Ngó*, *Hai Đet*, *Hai Khị*, *Hai Khoánh*, *Hai Lượng*, *Hai Tị*, *Tư Hạnh*, *Tư Hưng*, *Tư Lập*, *Năm Tự*, *Mười Hy*, *thằng Mến*, *con Lài...*

Cuộc Nam tiến vừa như một định mệnh, vừa có tính tất yếu của lịch sử. Người Việt vào Nam, như dòng nước của những con sông hẹp đổ ra đại dương, họ

đã tìm thấy miền đất hứa. Đất đai mênh mông trở thành nơi dung chứa cho những thân phận ly hương. Nam tiến là một cuộc chinh phục lâu dài, trường kỳ, hằng vài thế kỉ, nhiều giai đoạn đầy cam go và thử thách. Nam Bộ chính là miền Đất Hứa cho tự do, hạnh phúc, cho khỏi những áp bức, bất công, cho tình người nở hoa.

Nam Bộ ngày nay là mảnh đất kết tinh của biết bao mồ hôi, nước mắt và máu xương của những người đi trước. Bên cạnh những người đã ngã xuống vì bom đạn của chiến tranh là sự hi sinh thầm lặng của những người đi mở mang bờ cõi. Họ là những chiến sĩ tiên phong trong việc đẩy hoang sơ lùi dần vào quá khứ, biến rừng rậm hoang vu thành đồng ruộng phì nhiêu cò bay thẳng cánh.

Khó có thể nói hết công lao của những người đã từng gấn bó và làm nên đất này. Đó là những con người nghĩa khí, dũng cảm, gan dạ. Trong gian khổ thiếu thốn họ vẫn cam chịu cố bám đất, bám rừng để làm nên cuộc sống. Họ sẵn sàng ra tay bắt sấu, đuổi cọp, giết heo rừng... cho dù có hi sinh tính mạng. Họ cùng nhau chung lưng đấu cật để rồi nhiều người đã làm mồ cho thú dữ, có người đã gởi thân lại nơi này. Máu xương của họ đã hoà vào lòng đất để cho cây lúa mọc xanh hơn và để cho nhiều thế hệ mai sau có cuộc sống ấm no, hạnh phúc hơn so với họ, những lưu dân thế hệ tiên phong.

Bức ký hoạ hoành tráng ghi lại chân dung những người đi mở cõi của Sơn Nam trong lịch sử Nam tiến như thế là gần như đủ cả các nhân vật tiêu biểu. Sơn

Nam bằng tấm lòng thương yêu, thông cảm, một cách công bình, và trung thực, đã tái hiện lại số phận của bao nhiêu kiếp người miền Nam thuở ấy. Nhờ những khắc họa con người miền Nam trong những năm ba mươi của thế kỉ trước với tất cả tấm lòng của Sơn Nam

mà sau nửa thế kỉ và có lẽ mãi mãi, dù thời gian có phủ lên những trang văn ấy lớp bụi nhạt nhoà, người đọc vẫn thích treo các bức tranh ấy lên tường, ngắm hoài mà không thấy chán, như những báu vật của quê hương đất nước.

*

CHARACTERS IN STORIES SON NAM

Nguyen Van Dong

Thu Dau Mot University

ABSTRACT

This article studies the characteristics, the traits of characters in Son Nam 's short stories. These characters are different from their careers, ages, sexes but most of them belong to the lower class in society. Suffering from hardships and trials, they have to go to the remote Hau Giang. In his works, Son Nam builds the ill-fated characters. Through their misfortune, he shows readers the characteristics and life style of the people in the Mekong Delta of Southern Viet Nam. Creating people from all walks of life, the writer sketches a vivid portrait of his fatherland in the period of land clearing.

Keywords: *the characteristics, the character, the destiny*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Châu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ ký*, Bản dịch Lê Hương, Sài Gòn, 1973.
- [2]. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Sài Gòn, 1972.
- [3]. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, NXB Thuận Hoá, 2006.
- [4]. Sơn Nam, *Nói về miền Nam*, NXB Lá Bối, Sài Gòn, 1967.
- [5]. Sơn Nam, *Cá tính niên Nam*, NXB Đông Phố, Sài Gòn 1974.
- [6]. Sơn Nam, *26 truyện ngắn Sơn Nam*, NXB Mũi Cà Mau, 1987.
- [7]. Sơn Nam, *Tục lệ ăm trộm* (Tập truyện ngắn), NXB Kiên Giang, 1988.
- [8]. Sơn Nam, *Cá tính miền Nam*, Văn Hoá, 1992.
- [9]. Sơn Nam, *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, NXB Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 1994.
- [10]. Sơn Nam, *Sài Gòn lục tỉnh xưa*, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1998.
- [11]. Sơn Nam, *Tìm hiểu đất Hậu Giang*, NXB Phù Sa, Sài Gòn, 1959.
- [12]. Sơn Nam, *Vọc nước giỡn trắng* (tập truyện ngắn), NXB Thời Mới, Sài Gòn, 1965.
- [13]. Sơn Nam, *Người bạn triệu phú* (tập truyện ngắn), NXB Khai Trí, Sài Gòn 1971.
- [14]. Sơn Nam, *Lịch sử An Giang*, NXB Tổng hợp An Giang, 1988 .
- [15]. Sơn Nam, *Hai côi u minh* (tập truyện ngắn), NXB Kim Đồng, 1996.
- [16]. Sơn Nam, *Hương rừng Cà Mau* (tập 1), NXB Trẻ, 1997.
- [17]. Sơn Nam, *Hương rừng Cà Mau* (tập 2), NXB Trẻ, 1997.
- [18]. Sơn Nam, *Hương rừng Cà Mau* (tập 3), Trẻ, 1997
- [19]. Sơn Nam, *Biển cỏ miền Tây – Hình bóng cũ*, NXB Trẻ, 2003
- [20]. Sơn Nam, *Hương quê- Tây đầu đỏ*, NXB Trẻ, 2006
- [21]. Sơn Nam, *Hương rừng Cà Mau*, NXB Trẻ, 2008
- [22]. Nguyễn Văn Xuân, *Khi những lưu dân trở lại*, NXB Thời Mới, Sài Gòn, 1969.